

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 23/9/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Toàn;

Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung;

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Chí Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST-DS ngày 22/7/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 31/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Kim K1; sinh năm 1965; Địa chỉ: số 15 đường H, khối 2, thị trấn K, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Có mặt;

****Bị đơn:*** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: khối 1, thị trấn K, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2021, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Kim K1 trình bày ý kiến:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2021 bà Lê Thị Kim K1 trình bày: Ngày 21/3/2018, vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N có vay của bà Lê Thị Kim K1 số tiền 440.000.000đ (*bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) để đáo nợ ngân hàng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm trên tổng số tiền vay và hẹn đến ngày 20/7/2018 sẽ trả toàn bộ gốc và lãi. Nhưng đến nay, ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N chưa trả cho bà Lê Thị Kim K1 bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù bà Lê Thị Kim K1 đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi còn lại cho bà K1 nhưng ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N cứ dây dưa, trốn tránh mãi không chịu trả. Nay bà Lê Thị Kim K1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải thanh toán cho bà Lê Thị Kim K1 tổng số tiền là 586.465.000đ (*Năm trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi 10%/năm từ ngày 21/3/2018 đến 21/7/2021 là 146.465.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/7/2021 cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim K1 thay đổi yêu cầu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải thanh toán cho bà Lê Thị Kim K1 tổng số tiền là 579.956.164 đ, trong đó tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện N vụ trả tiền tính từ 20/7/2018 đến nay (23/9/2021) là 139.956.164 đ.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N mặc dù đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và N vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và không có ý kiến phản hồi.

Đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn: đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Giấy vay tiền ngày 21/3/2018 (bản gốc); 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô chứng thực); 01 Sổ hộ khẩu (bản phô tô chứng thực);

Bị đơn không giao nộp gì cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn mặc dù đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; khoản 1 Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 357; Điều 429, Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Lê Thị Kim K1 tổng số tiền là 579.956.164 đồng , trong đó tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm nghĩa vụ trả tiền là 139.956.164 đồng

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Kim K1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim K1 khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N có Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại khối 1, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N nhưng anh ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim K1: Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận cho nhau vay tiền, giúp nhau làm ăn giữa bà Lê Thị Kim K1 và ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N lập ngày 21/3/2018 (dương lịch) ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N có vay của bà Lê Thị Kim K1 số tiền 440.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N ký vào giấy vay tiền số tiền 440.000.000đ và hứa đến ngày 20/7/2018 sẽ hoàn trả số tiền vay. Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N. Như vậy thấy việc thỏa thuận giữa bà Lê Thị Kim K1 và ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N trên cơ sở tự nguyện, không trái Đ đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có đủ năng lực pháp luật dân sự, các bên thỏa thuận thời hạn vay là đến ngày 20/7/2018 và không thỏa thuận lãi nên hợp đồng vay trên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi phù hợp với Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký kết là ngày 21/3/2018.

Đến hạn trả nợ bên vay ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N không thực hiện trả nợ theo cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ của của bên vay, bà Lê Thị Kim K1 đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nhưng ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N không thực hiện, nay bà Lê Thị Kim K1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N trả lại cho bà Lê Thị Kim K1 số tiền 579.956.164 đồng, trong đó số tiền gốc là 440.000.000đ đã vay theo giấy vay tiền ngày 21/3/2018 và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm tính từ ngày 20/7/2018 đến ngày xét xử (23/9/2021) là $440.000.000 \times 10\% / 365 \text{ ngày} \times 3 \text{ năm } 2 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} (1161 \text{ ngày}) = 139.956.164 \text{ đồng}$, là phù hợp theo Điều 357; khoản 1, 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Lê Thị Kim K1 số tiền gốc đã vay chưa trả là 440.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 139.956.164 đồng. Tổng cộng 579.956.164 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim K1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải trả cho bà Lê Thị Kim K1 số tiền 579.956.164 đồng (*năm trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày xét xử (23/9/2021) là 139.956.164 đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim K1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.730.000đ (*mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001962 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa ngày 21/7/2021. Ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị Thu N phải chịu 27.199.000 đ (*hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.Hướng Hóa;
- VKSND tỉnh Quảng Trị
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS H.Hướng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Phương